

Ngày thi: 10/08/2014

TÍN CHỈ
LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10		10		25				55	100		
1	1827263001	Bùi Quang Tuấn	Anh	B18KDN1	8		5		7				7	6.9	Sáu phẩy Chín	
2	1826263002	Đinh Thị Tú	Anh	B18KDN2	8		4.5		8				5	6.0	Sáu	
3	1826263031	Nguyễn Thị	Hoài	B18KDN2	8		8		7.5				6	6.8	Sáu phẩy Tám	
4	1826263036	Đặng Thị	Hương	B18KDN1	10		6		7.5				5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
5	1827263042	Nguyễn Bình	Khiêm	B18KDN2	10		8		7.5				6	7.0	Bảy	
6	1826263055	Nguyễn Thị Quỳnh	Na	B18KDN1	8		6.5		7.5				7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
7	172314158	Đinh Thị Mỹ	Phương	B18KDN2	10		8.5		8				7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
8	1826263089	Trần Thị	Quỳnh	B18KDN2	10		6.5		7.5				7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
9	1826263092	Nguyễn Thị Hồng	Soa	B18KDN2	10		8		7.5				6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
10	1826263102	Lê Thị Hòa	Thuận	B18KDN2	10		0		8				5.5	6.0	Sáu	
11	1826263112	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	B18KDN2	8		6.5		8.5				4.5	6.1	Sáu phẩy Một	
12	1826713372	Nguyễn Thị Thùy	Trang	B18KDN2	10		10		7.5				8	8.3	Tám phẩy Ba	
13	1826263113	Nguyễn Mai Huyền	Trâm	B18KDN2	10		6.5		8.5				8	8.2	Tám phẩy Hai	
14	1826263120	Trần Thị	Vân	B18KDN2	10		5		8				0	0.0	Không	Nợ HP
15	1826263121	Trần Thị Ánh	Vân	B18KDN2	8		7		8				8	7.9	Bảy phẩy Chín	
16	1827263123	Huỳnh Quốc	Vương	B18KDN1	10		7.5		8				8	8.2	Tám phẩy Hai	
17	1826713383	Phạm Thị Kim	Yến	B18KDN2	10		8.5		7.5				8	8.1	Tám phẩy Một	
1	172324005	Bùi Thị Kim	Chi	B17KDN2	8		0		7.5				7.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
2	172324056	Nguyễn Thị Thùy	Linh	B17KDN2	10		7		8				7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
3	172324084	Trịnh Thị	Sáu	B17KDN2	8		7		7.5				7	7.2	Bảy phẩy Hai	
4	172324091	Lê Thị Thu	Thảo	B17KDN2	10		7.5		7.5				6	6.9	Sáu phẩy Chín	Hoãn L1

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	20	95%	
2	Số sinh viên nợ	1	5%	
TỔNG CỘNG :		21	100%	

LẬP BANG

KIỂM TRA

TT ĐÀO TẠO BANG 2

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 08 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Nguyễn Thị Kim Phượng

Phạm Hồng Phương

ThS. Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Ân